

QUY ĐỊNH

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND

ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị được giao vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương

1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển ở các địa phương có số thu lớn, các địa phương là vùng động lực với việc ưu tiên cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh. Đảm bảo sự ổn định và phát triển ở các xã biên giới.

b) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phân bổ vốn phải đảm bảo thực hiện các quy trình, thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các huyện, thị xã, thành phố, gồm 5 nhóm sau:

a) Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2019 của huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), số thu ngân sách tỉnh hưởng theo phân cấp phát sinh trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện.

c) Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên; tỷ lệ che phủ rừng của các huyện, thị xã, thành phố.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính: bao gồm đơn vị hành chính cấp xã (bao gồm các xã, phường, thị trấn), huyện biên giới.

đ) Tiêu chí bổ sung, gồm: xã biên giới, vùng động lực, hệ thống đô thị.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí (các số liệu làm cơ sở tính toán được căn cứ vào số công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019)

3.1. Tiêu chí dân số và số người dân tộc thiểu số

a. Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Các địa phương có dân số trung bình đến 50.000 người	20
Các địa phương có dân số trung bình trên 50.000 đến 100.000 người, từ 0 đến 50.000 người được tính 20 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	2
Các địa phương có dân số trung bình trên 100.000 đến 200.000 người, từ 0 đến 100.000 người được tính 30 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	1
Các địa phương có dân số trung bình trên 200.000 người, từ 0 đến 200.000 người được tính 40 điểm, phần còn lại cứ 10.000 người tăng thêm được tính	0,5

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 1.000 người dân tộc thiểu số được tính	0,2

3.2. Tiêu chí về trình độ phát triển

a) Điểm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 0,1% hộ nghèo được tính	0,1

Tỷ lệ hộ nghèo xác định theo Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh về kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019.

b) Điểm số của tiêu chí thu trong cân đối (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết)

Số thu trong cân đối	Điểm
Các địa phương có số thu trong cân đối từ trên 0 đến 30 tỷ đồng	11
Các địa phương có số thu trong cân đối từ trên 30 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	9
Các địa phương có số thu trong cân đối từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	7

